

Sở Giáo dục và Đào tạo Bà Rịa – Vũng Tàu
 Kỳ thi: Tuyển sinh lớp 10 năm học 2025-2026
 Khóa ngày: 5-7/6/2025
 Hội đồng: THPT Nguyễn Du

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
1	410001	Huỳnh Khánh An	x	10/05/2010	THCS Kim Long	5.75	6.25	6.25	18.25
2	410002	Trần Lê Gia An	x	14/10/2010	THCS Châu Đức	5.25	9.00	9.25	23.50
3	410003	Bùi Lê Quang An		08/03/2010	THCS Châu Đức	4.25	7.25	6.00	17.50
4	410004	Mai Ngọc Xuân An	x	11/04/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	5.75	8.75	7.50	22.00
5	410005	Nguyễn Quốc An		29/07/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	6.00	8.75	9.00	23.75
6	410006	Phạm Thiên An	x	04/11/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	7.50	9.50	8.50	25.50
7	410007	Võ Trần Thùy An	x	14/04/2010	THCS Châu Đức	7.25	8.50	5.00	20.75
8	410008	Nguyễn Đức Anh		26/03/2010	THCS Châu Đức	5.00	8.25	7.25	20.50
9	410009	Phan Huy Kỳ Anh		29/03/2010	THCS Xà Bang	6.50	9.00	8.00	23.50
10	410010	Lê Ngọc Quỳnh Anh	x	06/11/2010	THCS Châu Đức	6.00	7.75	5.00	18.75
11	410011	Trần Ngọc Quỳnh Anh	x	07/06/2009	THCS Hà Huy Tập	6.25	9.25	8.25	23.75
12	410012	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	x	25/02/2010	THCS Hà Huy Tập	3.25	6.25	4.50	14.00
13	410013	Lê Nguyễn Ngọc Anh	x	14/11/2010	THCS Quang Trung (CĐ)	5.50	6.00	7.00	18.50
14	410014	Bùi Nguyễn Thực Anh	x	19/09/2010	THCS Châu Đức	5.25	8.50	4.25	18.00
15	410015	Nguyễn Phan Minh Anh	x	27/06/2010	THCS Châu Đức	5.75	7.00	4.75	17.50
16	410016	Phạm Quỳnh Anh	x	25/09/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	5.25	7.00	4.75	17.00
17	410017	Phan Thế Anh		30/04/2010	THCS Cao Bá Quát	3.25	6.75	3.75	14.75
18	410018	Nguyễn Thị Kiều Anh	x	05/10/2010	THCS Quảng Thành	6.50	8.50	5.25	20.25
19	410019	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	x	02/06/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	4.50	3.75	2.75	11.00
20	410020	Võ Thị Quỳnh Anh	x	14/09/2010	THCS Phan Đình Phùng	6.00	8.75	8.00	22.75
21	410021	Đỗ Việt Anh		01/06/2010	THCS Trần Hưng Đạo	5.00	8.50	6.75	20.25
22	410022	Nguyễn Việt Anh		17/09/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	5.25	8.50	5.50	19.25
23	410023	Lê Võ Trâm Anh	x	10/06/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	4.50	7.50	6.75	18.75
24	410024	Đặng Hoàng Hồng Ân	x	10/11/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	6.25	8.75	6.00	21.00
25	410025	Đoàn Gia Bảo		26/01/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	7.00	7.25	7.50	21.75
26	410026	Nguyễn Gia Bảo		17/02/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	6.00	9.00	8.00	23.00
27	410027	Võ Hoài Bảo		23/03/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	6.50	6.75	8.25	21.50
28	410028	Trương Nguyễn Gia Bảo		31/07/2010	THCS Nguyễn Huệ (CĐ)	5.00	8.50	4.25	17.75

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
29	410029	Nguyễn Thái Bảo		07/08/2010	THCS Nguyễn Huệ (CĐ)	5.00	8.25	3.50	16.75
30	410030	Trần Thiên Bảo		16/05/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	6.25	9.00	6.75	22.00
31	410031	Lê Văn Gia Bảo		06/09/2010	THCS Lý Thường Kiệt	7.00	8.75	9.00	24.75
32	410032	Trần Băng Băng	x	25/02/2010	THCS Lý Thường Kiệt	5.75	5.00	4.75	15.50
33	410033	Nguyễn Phạm Gia Bình		26/02/2010	THCS Châu Đức	8.00	8.50	7.50	24.00
34	410034	Trương Thanh Bình		12/10/2010	THCS Châu Đức	6.50	8.75	4.75	20.00
35	410035	Nguyễn Thái Bình		14/06/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	4.75	8.75	6.25	19.75
36	410036	Đặng Nguyễn Thư Cẩm	x	24/03/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	5.50	8.50	8.50	22.50
37	410037	Nguyễn Lê Bảo Châu	x	23/03/2010	THCS Trần Hưng Đạo	7.25	7.25	6.75	21.25
38	410038	Phan Nguyễn Minh Châu	x	05/06/2010	THCS Châu Đức	7.25	9.00	9.00	25.25
39	410039	Nguyễn Trương Bảo Châu	x	05/09/2010	THCS Quảng Thành	6.75	8.25	5.75	20.75
40	410040	Bùi Quỳnh Chi	x	13/02/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	6.25	9.00	6.75	22.00
41	410041	Nguyễn Văn Chiến		20/05/2010	THCS Cao Bá Quát	4.25	3.00	5.00	13.25
42	410042	Trần Mạnh Cường		02/03/2010	THCS Hà Huy Tập	5.00	8.50	6.75	20.25
43	410043	Nguyễn Lê Thế Danh		02/08/2010	THCS Lý Thường Kiệt	5.00	8.25	6.75	20.00
44	410044	Võ Tá Dân		21/09/2010	THCS Lý Thường Kiệt	4.50	4.25	2.75	11.50
45	410045	Lê Ngọc Diễm	x	23/10/2010	THCS Châu Đức	5.75	6.00	5.75	17.50
46	410046	Trần Thị Kiều Diễm	x	10/07/2010	THCS Cao Bá Quát	5.00	8.50	8.25	22.75
47	410047	Nguyễn Trương Viên Dung	x	28/06/2010	THCS Châu Đức	7.50	9.00	8.75	25.25
48	410048	Nguyễn Khánh Duy		07/01/2010	THCS Châu Đức	6.50	8.75	8.00	23.25
49	410049	Trương Minh Duy		22/10/2010	THCS Châu Đức	5.50	8.75	5.50	19.75
50	410050	Hồ Thanh Duy		29/10/2010	THCS Trần Hưng Đạo	7.25	8.75	7.25	23.25
51	410051	Nguyễn Trần Anh Duy		22/08/2010	THCS Châu Đức	6.00	8.50	5.75	20.25
52	410052	Trần Mỹ Duyên	x	01/08/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	7.25	7.75	8.75	23.75
53	410053	Lê Ngọc Duyên	x	04/10/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	6.50	7.75	9.00	23.25
54	410054	Phạm Nguyễn Hương Duyên	x	21/08/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	6.50	8.25	7.50	22.25
55	410055	Trần Hoàng Anh Dũng		20/11/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	7.25	6.50	2.75	16.50
56	410056	Phạm Mạnh Dũng		29/03/2010	THCS Châu Đức	6.25	6.50	4.25	17.00
57	410057	Ngô Vi Anh Dũng		19/09/2010	THCS Cao Bá Quát	5.50	8.50	8.00	23.00
58	410058	Trần Nhã Đan	x	22/06/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	6.50	8.75	7.75	23.00
59	410059	Võ Hoàng Quốc Đạt		24/06/2010	THCS Phan Đình Phùng	5.75	8.75	5.00	19.50

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
60	410060	Hồ Phúc Đạt		05/07/2010	THCS Lý Thường Kiệt	5.50	9.25	6.25	21.00
61	410061	Nguyễn Thành Đạt		07/11/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	6.75	7.50	5.75	20.00
62	410062	Dương Tiến Đạt		29/09/2010	THCS Trần Hưng Đạo	7.50	8.50	6.50	22.50
63	410063	Nguyễn Hoàng Cao Đăng		06/07/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	6.75	8.75	8.50	24.00
64	410064	Phạm Hữu Đăng		20/07/2010	THCS Châu Đức	6.50	8.50	7.75	22.75
65	410065	Lê Quốc Đăng		14/07/2010	THCS Châu Đức	6.50	9.00	5.75	21.25
66	410066	Võ Trí Đức		15/09/2010	THCS Quảng Thành	7.25	9.25	6.75	23.25
67	410067	Võ Trần Ngọc Hà	x	13/06/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	5.25	7.00	6.50	18.75
68	410068	Trần Anh Hào		18/04/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	6.50	7.75	8.00	22.25
69	410069	Huỳnh Văn Hào		16/07/2010	THCS Phan Đình Phùng	5.00	8.25	5.00	18.25
70	410070	Nguyễn Minh Hải		15/01/2010	THCS Lý Thường Kiệt	6.00	8.25	6.00	20.25
71	410071	Đoàn Thị Hồng Hạnh	x	05/10/2010	THCS Quảng Thành	6.25	5.50	6.25	18.00
72	410072	Ngô Chí Hạo		08/04/2010	THCS Lý Thường Kiệt	6.50	7.75	4.75	19.00
73	410073	Nguyễn Thị Thanh Hằng	x	13/06/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	7.50	8.25	7.50	23.25
74	410074	Hỷ Gia Hân	x	05/03/2010	THCS Phan Đình Phùng	7.00	8.75	7.75	24.50
75	410075	Trần Gia Hân	x	04/02/2010	THCS Quảng Thành	8.00	8.75	6.50	23.25
76	410076	Lê Hoàng Ngọc Hân	x	12/11/2010	THCS Quảng Thành	5.75	6.25	3.50	15.50
77	410077	Đỗ Ngọc Gia Hân	x	18/10/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	7.00	6.25	4.00	17.25
78	410078	Phan Ngọc Gia Hân	x	21/11/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	7.00	7.75	7.25	22.00
79	410079	Võ Nguyễn Gia Hân	x	02/06/2010	THCS Hà Huy Tập	7.00	9.50	9.25	25.75
80	410080	Nguyễn Kim Hậu		19/01/2010	THCS Xà Bang	7.25	8.75	8.00	24.00
81	410081	Trần Hoàng Bảo Hiền	x	02/05/2010	THCS Châu Đức	7.25	8.75	8.25	24.25
82	410082	Hoàng Đình Hiếu		16/03/2010	THCS Quảng Thành	5.00	8.75	7.75	21.50
83	410083	Ngô Minh Hiếu		24/09/2010	THCS Châu Đức	6.50	7.00	8.25	21.75
84	410084	Nguyễn Thanh Hiếu		18/01/2010	THCS Xà Bang	6.00	8.75	7.50	22.25
85	410085	Trương Gia Hoàng		06/01/2010	THCS Trần Hưng Đạo	7.00	8.75	7.75	24.50
86	410086	Trần Minh Hoàng		02/02/2010	THCS Nguyễn Huệ (CĐ)	5.00	8.50	6.50	20.00
87	410087	Trần Huỳnh Thái Hòa	x	13/03/2010	THCS Châu Đức	6.50	8.75	5.25	20.50
88	410088	Nguyễn Minh Hòa		20/02/2010	THCS Hà Huy Tập	6.00	7.75	6.00	19.75
89	410089	Trương Đoàn Gia Huy		03/06/2010	THCS Châu Đức	6.50	3.75	4.75	15.00
90	410090	Nguyễn Đức Huy		10/05/2010	THCS Nguyễn Huệ (CĐ)	1.25	5.25	3.00	9.50

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
91	410091	Hoàng Gia Huy		01/08/2010	THCS Châu Đức	6.50	8.75	9.00	24.25
92	410092	Nguyễn Minh Huy		05/02/2010	THCS Phan Đình Phùng	7.00	9.00	7.75	23.75
93	410093	Nguyễn Quốc Huy		02/09/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	5.25	8.50	6.25	20.00
94	410094	Lê Thanh Huy		04/02/2010	THCS Nguyễn Huệ (CĐ)	6.00	5.75	8.00	19.75
95	410095	Hoàng Vũ Gia Huy		09/10/2010	THCS Hà Huy Tập	5.50	9.00	5.00	19.50
96	410096	Mai Xuân Huy		19/10/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	4.25	9.25	8.00	22.50
97	410097	Lê Thanh Huyền	x	30/09/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	6.75	8.25	8.50	23.50
98	410098	Phan Thanh Hưng		27/07/2010	THCS Cao Bá Quát	4.50	8.50	7.00	20.00
99	410099	Nguyễn Hữu Quỳnh Hương	x	11/03/2010	THCS Châu Đức	7.25	8.25	8.50	24.00
100	410100	Võ Song Hương	x	29/09/2010	THCS Châu Đức	7.25	8.50	7.75	23.50
101	410101	Trần Đăng Tuấn Khang		21/07/2010	THCS Châu Đức	6.25	8.50	8.25	23.00
102	410102	Nguyễn Hoàng Nhật Khang		19/02/2010	THCS ngoài tỉnh	6.50	8.75	5.00	20.25
103	410103	Bùi Mạnh Khang		14/10/2010	THCS Châu Đức	7.50	8.75	8.75	25.00
104	410104	Nguyễn Minh Khang		09/03/2010	THCS Lê Lợi	5.75	7.25	6.75	19.75
105	410105	Nguyễn Quốc Khang		27/12/2009	THCS Quảng Thành	6.25	9.00	7.25	22.50
106	410106	Phạm Trọng Minh Khang		29/04/2010	THCS Châu Đức	5.25	8.25	7.25	20.75
107	410107	Nguyễn Ngọc Kiều Khanh	x	25/08/2010	THCS Nguyễn Huệ (CĐ)	5.75	8.75	8.00	22.50
108	410108	Trịnh Minh Khải		11/09/2010	THCS Cao Bá Quát	4.75	6.50	5.50	17.75
109	410109	Võ Hoàng Khánh		18/10/2010	THCS Trần Hưng Đạo	5.50	8.75	5.75	20.00
110	410110	Trần Lê Gia Khánh		23/03/2010	THCS Châu Đức	6.75	8.25	9.25	24.25
111	410111	Trần Lê Vi Khánh	x	15/12/2010	THCS Châu Đức	6.25	8.50	6.75	21.50
112	410112	Đoàn Thị Minh Khánh	x	05/09/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	5.00	7.75	7.50	20.25
113	410113	Nguyễn Nhật Khoa		11/06/2010	THCS Nguyễn Huệ (CĐ)	5.25	5.00	5.00	15.25
114	410114	Nguyễn Thị Anh Khoa	x	27/05/2010	THCS Lê Lợi	3.50	5.75	3.50	12.75
115	410115	Đặng Minh Khôi		30/10/2010	THCS Hà Huy Tập	5.25	8.00	7.00	20.25
116	410116	Võ Nguyễn Trung Kiên		09/12/2010	THCS Châu Đức	6.00	6.00	8.00	20.00
117	410117	Trần Anh Kiệt		26/07/2010	THCS Nguyễn Huệ (CĐ)	5.50	8.00	8.00	21.50
118	410118	Nguyễn Đức Anh Kiệt		24/06/2010	THCS Châu Đức	6.00	8.00	8.50	22.50
119	410119	Phạm Gia Kiệt		08/02/2010	THCS Phan Đình Phùng	6.25	9.00	8.25	23.50
120	410120	Trịnh Nguyễn Tuấn Kiệt		06/12/2010	THCS Phan Đình Phùng	4.75	6.75	9.25	20.75
121	410121	Phan Thế Kiệt		09/08/2010	THCS Lý Thường Kiệt	6.25	9.00	9.25	24.50

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
122	410122	Lê Tuấn Kiệt		10/09/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	4.00	6.75	4.75	15.50
123	410123	Trần Đào Thiên Kim	x	01/05/2010	THCS Nguyễn Huệ (CĐ)	4.75	8.75	6.25	19.75
124	410124	Trương Quang Gia Lai		31/10/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	6.00	8.75	7.75	23.50
125	410125	Nguyễn Quỳnh Lam	x	15/01/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	7.00	8.25	7.50	22.75
126	410126	Lê Lâm		16/01/2010	THCS Quảng Thành	6.50	9.00	8.75	24.25
127	410127	Nguyễn Thùy Lâm	x	14/05/2010	THCS Phan Đình Phùng	4.75	8.50	6.25	19.50
128	410128	Điền Đặng Huyền Linh	x	23/03/2010	THCS Châu Đức	6.75	8.50	9.00	25.25
129	410129	Lê Hoàng Gia Linh	x	18/08/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	4.25	6.50	5.25	16.00
130	410130	Phan Khánh Linh	x	09/09/2010	THCS Châu Đức	5.00	7.50	5.25	17.75
131	410131	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	x	04/02/2010	THCS Chu Văn An (PM)	5.00	7.50	6.25	19.75
132	410132	Hàn Nguyên Trúc Linh	x	22/01/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	5.50	7.50	5.25	18.25
133	410133	Nguyễn Thùy Linh	x	19/12/2010	THCS Lý Thường Kiệt	2.75	5.75	3.25	11.75
134	410134	Nguyễn Bảo Long		26/01/2010	THCS Lý Thường Kiệt	2.25	4.25	2.75	9.25
135	410135	Lê Hoàng Long		09/06/2010	THCS Lê Lợi	4.75	8.75	6.50	20.00
136	410136	Trần Hoàng Long		27/06/2010	THCS Quảng Thành	5.50	8.25	6.25	20.00
137	410137	Hồ Hoàng Phi Long		03/09/2010	THCS Hà Huy Tập	5.00	8.50	3.50	17.00
138	410138	Nguyễn Bá Lộc		19/12/2010	THCS Phan Đình Phùng	5.50	8.75	6.25	20.50
139	410139	Trần Quốc Lộc		28/06/2010	THCS Quảng Thành	6.50	8.75	8.50	23.75
140	410140	Trần Lê Trúc Ly	x	15/01/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	6.50	9.00	4.25	19.75
141	410141	Trần Lê Trúc Ly	x	15/01/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)				0.00
142	410142	Trần Thị Xuân Mai	x	13/02/2010	THCS Châu Đức	6.25	8.00	4.00	18.25
143	410143	Hoàng Đình Anh Minh		04/09/2010	THCS Võ Trường Toản (CĐ)	3.75	8.50	8.00	20.25
144	410144	Trần Khải Minh		13/07/2010	THCS Phan Đình Phùng	5.50	9.00	7.50	22.00
145	410145	Lê Tuấn Minh		13/01/2010	THCS Châu Đức	4.75	8.75	2.50	16.00
146	410146	Nguyễn Bảo My	x	23/04/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	7.25	9.25	7.75	24.25
147	410147	Trần Thảo My	x	19/02/2010	THCS Cao Bá Quát	5.25	8.50	8.50	23.25
148	410148	Nguyễn Thị Hà My	x	14/04/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	7.75	8.75	8.75	25.25
149	410149	Nguyễn Trà My	x	23/02/2010	THCS Hà Huy Tập	5.75	8.75	7.25	21.75
150	410150	Dương Triệu My	x	15/02/2010	THCS Châu Đức	7.25	8.25	6.25	21.75
151	410151	Hoàng Bảo Nam		26/03/2010	THCS Châu Đức	7.00	8.25	4.25	19.50
152	410152	Hà Đào Đại Nam		12/04/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	2.00	8.50	8.75	19.25

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
153	410153	Nguyễn Lê Bảo Nam		19/11/2010	THCS Nguyễn Huệ (CĐ)	4.25	9.50	7.75	21.50
154	410154	Trần Lê Khánh Nam		26/04/2010	THCS Trần Hưng Đạo	6.75	8.75	7.50	23.00
155	410155	Nguyễn Nhật Nam		09/05/2010	THCS Châu Đức	7.25	9.00	7.25	23.50
156	410156	Ngô Trung Nam		19/05/2010	THCS Hà Huy Tập	5.50	9.50	6.00	21.00
157	410157	Hồ Ngọc Nga	x	13/01/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	7.25	8.75	8.25	24.25
158	410158	Phạm Lê Quỳnh Ngân	x	04/08/2010	THCS Lê Lợi	6.75	7.25	7.00	21.00
159	410159	Nguyễn Ngọc Khánh Ngân	x	01/01/2010	THCS Trần Hưng Đạo	7.00	8.75	7.50	23.25
160	410160	Dương Thị Kim Ngân	x	06/11/2010	THCS Trần Hưng Đạo	5.50	5.75	7.50	18.75
161	410161	Lê Thị Thanh Ngân	x	04/06/2010	THCS Lý Thường Kiệt	5.50	8.50	4.75	18.75
162	410162	Nguyễn Trương Kim Ngân	x	30/11/2010	THCS Quảng Thành	6.75	8.50	5.25	20.50
163	410163	Trần Hà Thiên Nghi	x	18/06/2010	THCS Châu Đức	5.25	6.75	4.25	16.25
164	410164	Phạm Trần Gia Nghi	x	23/09/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	5.25	7.75	6.50	19.50
165	410165	Nguyễn Đình Nghĩa		06/01/2010	THCS Châu Đức	5.50	7.50	8.00	21.00
166	410166	Lê Bảo Ngọc	x	16/04/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	4.75	7.25	8.00	20.00
167	410167	Tạ Bích Ngọc	x	11/02/2010	THCS Nguyễn Huệ (CĐ)	5.75	5.75	9.25	21.75
168	410168	Dương Đình Bảo Ngọc	x	17/02/2010	THCS Võ Trường Toản (CĐ)	5.50	8.50	9.25	24.25
169	410169	Lê Huỳnh Thanh Ngọc	x	21/05/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	7.00	8.25	7.00	22.25
170	410170	Lê Thị Bích Ngọc	x	26/03/2010	THCS Châu Đức	5.00	8.50	5.75	19.25
171	410171	Nguyễn Thị Tuyết Ngọc	x	23/03/2010	THCS Lý Thường Kiệt	2.25	5.75	3.50	11.50
172	410172	Trương Khánh Nguyên	x	04/08/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	5.00	8.75	8.75	22.50
173	410173	Hồ Kỳ Nguyên	x	15/07/2010	THCS Hà Huy Tập	6.75	9.00	7.75	23.50
174	410174	Trần Ngọc Minh Nguyên	x	15/07/2010	THCS Cao Bá Quát	5.75	6.25	5.75	18.75
175	410175	Lê Thảo Nguyên	x	16/01/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	6.00	9.00	8.25	24.25
176	410176	Lê Thảo Nguyên	x	10/01/2010	THCS Châu Đức	6.50	9.00	8.50	24.00
177	410177	Trần Nguyễn Phương Nhã	x	17/01/2010	THCS Châu Đức	4.75	9.00	7.25	21.00
178	410178	Nguyễn Đức Nhân		25/07/2010	THCS Quảng Thành	5.50	8.75	6.75	21.00
179	410179	Phan Ngọc Thành Nhân		31/07/2010	THCS Châu Đức	5.25	7.50	6.50	19.25
180	410180	Phạm Nguyễn Thiện Nhân		10/12/2010	THCS Châu Đức	4.50	7.25	6.00	17.75
181	410181	Võ Minh Nhật		25/03/2010	THCS Phan Đình Phùng	6.00	9.00	7.75	22.75
182	410182	Mai Ngọc Bích Nhật	x	19/07/2010	THCS Trần Hưng Đạo	7.00	9.00	9.00	25.00
183	410183	Nguyễn Bảo Nhi	x	16/01/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	6.50	9.00	8.25	23.75

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
184	410184	Trần Hoàng Thảo Nhi	x	09/02/2010	THCS Võ Trường Toản (CĐ)	5.75	8.75	4.75	20.25
185	410185	Đinh Lê Yến Nhi	x	11/11/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	5.00	4.50	6.25	15.75
186	410186	Đặng Ngọc Bảo Nhi	x	12/06/2010	THCS Lê Lợi	5.75	7.00	5.25	18.00
187	410187	Nguyễn Ngọc Bảo Nhi	x	02/06/2010	THCS Lê Lợi	6.00	8.50	5.50	20.00
188	410188	Văn Ngọc Thảo Nhi	x	14/03/2010	THCS Phan Đình Phùng	5.75	8.50	5.75	20.00
189	410189	Hoàng Thảo Linh Nhi	x	26/12/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	5.75	8.50	7.25	21.50
190	410190	Nguyễn Thị Linh Nhi	x	17/07/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	5.75	8.75	6.50	21.00
191	410191	Ong Thị Quỳnh Nhi	x	17/04/2010	THCS Cao Bá Quát	6.00	6.00	4.50	17.50
192	410192	Lê Yến Nhi	x	03/12/2010	THCS Nguyễn Huệ (CĐ)	5.75	8.75	6.50	21.00
193	410193	Tổng Hoàng Đình Nhị		25/12/2010	THCS Lý Thường Kiệt	6.25	8.50	6.50	21.25
194	410194	Lê Trần Hồng Nhung	x	20/10/2010	THCS Châu Đức	5.50	7.25	6.50	20.25
195	410195	Đoàn Huỳnh Minh Như	x	28/12/2010	THCS Châu Đức	7.50	8.50	8.25	24.25
196	410196	Nguyễn Ngọc Tâm Như	x	07/09/2010	THCS Trần Hưng Đạo	7.75	9.00	6.25	23.00
197	410197	Bùi Tâm Như	x	09/02/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	6.75	8.25	8.50	23.50
198	410198	Trương Bảo Oanh	x	05/01/2010	THCS Châu Đức	7.00	8.50	4.25	19.75
199	410199	Võ Ngọc Oanh	x	17/01/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	7.75	8.75	7.50	24.00
200	410200	Bùi Trần Tú Oanh	x	08/05/2010	THCS Trần Hưng Đạo	6.50	8.50	6.00	21.00
201	410201	Nguyễn Đức Viêt Pháp		30/04/2010	THCS Châu Đức	6.25	8.25	6.00	20.50
202	410202	Trần Nguyên Phát		13/08/2010	THCS Chu Văn An (PM)	6.50	7.50	6.75	21.75
203	410203	Nguyễn Tấn Phát		23/06/2010	THCS Châu Đức	6.50	8.75	7.50	23.75
204	410204	Bùi Thanh Phát		05/08/2010	THCS Cao Bá Quát	4.75	8.50	7.25	21.50
205	410205	Trần Nhật Phong		10/10/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	6.25	8.25	4.25	18.75
206	410206	Phan Chu Tấn Phú		03/02/2010	THCS Châu Đức	8.00	8.00	8.75	24.75
207	410207	Lê Nguyễn Gia Phú		21/09/2010	THCS Quảng Thành	6.75	8.50	6.75	22.00
208	410208	Võ Hồng Phúc		10/09/2010	THCS Cao Bá Quát	6.25	8.00	7.00	22.25
209	410209	Võ Nguyễn Thiên Phúc		20/02/2010	THCS Lý Thường Kiệt	4.25	8.75	6.75	19.75
210	410210	Nguyễn Thiên Phúc	x	22/06/2010	THCS Chu Văn An (PM)	8.00	7.25	8.00	24.25
211	410211	Nguyễn Thị Hồng Phúc	x	20/08/2010	THCS Võ Trường Toản (CĐ)	5.75	8.75	5.00	19.50
212	410212	Trần Hà Phương	x	24/06/2010	THCS Châu Đức	6.50	7.75	9.00	23.25
213	410213	Đặng Hoàng Phương		17/04/2010	THCS Quảng Thành	4.50	8.50	7.75	20.75
214	410214	Nguyễn Lê Diệu Phương	x	20/04/2010	THCS Hà Huy Tập	6.25	9.00	7.00	22.25

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
215	410215	Thân Nguyễn Mai Phương	x	17/10/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	8.00	9.00	7.25	24.25
216	410216	Nguyễn Thị Hoài Phương	x	12/05/2010	THCS Quảng Thành	7.50	9.00	8.00	24.50
217	410217	Bùi Thị Huyền Phương	x	02/01/2010	THCS Nguyễn Huệ (CĐ)	6.00	8.25	5.75	20.00
218	410218	Bành Đại Phước		20/12/2010	THCS Châu Đức	6.25	8.75	8.50	23.50
219	410219	Nguyễn Gia Phước		27/05/2010	THCS Châu Đức	5.50	8.25	7.50	21.25
220	410220	Nguyễn Hoàng Phước		29/09/2010	THCS Kim Long	6.75	8.25	5.00	20.00
221	410221	Đồng Ngọc Quang		11/12/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	5.00	6.75	6.75	18.50
222	410222	Lê Minh Quân		18/08/2010	THCS Châu Đức	7.25	9.00	9.00	25.25
223	410223	Lương Vương Quân		09/08/2010	THCS Châu Đức	5.25	6.50	5.50	17.25
224	410224	Nguyễn Đăng Thảo Quyên	x	18/09/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	6.50	8.75	8.50	23.75
225	410225	Lư Ngọc Bảo Quyên	x	11/11/2010	THCS Quảng Thành	7.25	9.00	8.00	24.25
226	410226	Uý Diễm Quỳnh	x	03/02/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	6.25	8.75	5.50	20.50
227	410227	Nguyễn Ngọc Gia Quỳnh	x	14/04/2010	THCS Châu Đức	4.50	6.25	4.00	14.75
228	410228	Nguyễn Đức Sang		29/09/2010	THCS Châu Đức	5.25	9.00	6.75	21.00
229	410229	Nguyễn Trần Hoàng Sơn		21/09/2010	THCS Châu Đức	6.50	8.50	2.75	17.75
230	410230	Nguyễn Lê Thảo Sương	x	08/02/2010	THCS Cao Bá Quát	7.00	7.00	4.50	19.50
231	410231	Nguyễn Hoài Đan Tâm	x	17/04/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	6.75	7.00	9.00	22.75
232	410232	Đồng Lê Thanh Tâm	x	24/12/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	6.25	8.50	6.75	21.50
233	410233	Thái Nhân Tâm		15/07/2010	THCS Lý Thường Kiệt	5.75	7.25	4.75	17.75
234	410234	Trần Duy Tân		06/06/2010	THCS Cao Bá Quát	5.25	7.50	6.00	19.75
235	410235	Trần Nguyễn Nhật Tân		14/09/2010	THCS Châu Đức	6.75	9.00	7.75	23.50
236	410236	Nguyễn Viết Nhật Tân		18/05/2010	THCS Quảng Thành	6.75	9.75	7.25	23.75
237	410237	Nguyễn Đan Thanh	x	30/06/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	5.50	8.00	8.00	21.50
238	410238	Bùi Hoàng Bảo Thành		14/05/2010	THCS Hà Huy Tập	6.25	9.25	8.75	24.25
239	410239	Nguyễn Huỳnh Phương Thảo	x	22/12/2010	THCS Trần Hưng Đạo	7.50	7.25	7.25	22.00
240	410240	Phan Nguyên Thảo	x	29/10/2010	THCS Quảng Thành	7.00	9.00	9.00	25.00
241	410241	Đoàn Phương Thảo	x	14/08/2010	THCS Châu Đức	6.25	7.00	5.25	18.50
242	410242	Nguyễn Thị Thanh Thảo	x	06/11/2010	THCS Châu Đức	5.75	8.50	7.25	22.50
243	410243	Lê Quang Thái		08/07/2010	THCS Quảng Thành	7.00	8.00	7.25	22.25
244	410244	Nguyễn Thanh Thế		05/11/2010	THCS Lý Thường Kiệt	3.50	8.25	9.00	20.75
245	410245	Trần Ngọc Bảo Thi	x	14/01/2010	THCS Nguyễn Huệ (CĐ)	5.50	6.75	4.75	17.00

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
246	410246	Trần Hoàng Thiên		30/01/2010	THCS Lê Lợi	5.00	6.25	5.50	16.75
247	410247	Nguyễn Chí Thiện		23/03/2010	THCS Châu Đức	7.25	8.50	7.75	24.50
248	410248	Nguyễn Đức Thịnh		02/02/2010	THCS Châu Đức	6.00	8.75	7.75	23.50
249	410249	Nguyễn Đức Phúc Thịnh		13/05/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	4.50	6.50	2.75	13.75
250	410250	Lê Minh Phúc Thịnh		06/12/2010	THCS Châu Đức	5.00	9.25	9.00	23.25
251	410251	Vũ Hoàng Thông		15/09/2010	THCS Kim Long	6.75	9.50	9.25	25.50
252	410252	Lương Quang Thông		23/04/2010	THCS Quảng Thành	6.25	8.25	4.25	18.75
253	410253	Nguyễn Thành Thông		09/07/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	6.75	8.75	6.75	22.25
254	410254	Lê Nguyễn Anh Thơ	x	08/06/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	7.00	6.50	5.50	19.00
255	410255	Hồ Gia Thuận		07/11/2010	THCS Châu Đức	5.75	8.00	7.00	20.75
256	410256	Phạm Thanh Thúy	x	28/09/2010	THCS Châu Đức	6.00	7.50	5.50	19.00
257	410257	Bùi Hải Thụy	x	23/11/2010	THCS Châu Đức	6.50	8.75	8.25	23.50
258	410258	Phạm Anh Thư	x	10/09/2010	THCS Châu Đức	6.50	8.50	6.50	21.50
259	410259	Lê Hoàng Kim Thư	x	26/10/2010	THCS Trần Hưng Đạo	7.00	6.25	6.00	19.25
260	410260	Nguyễn Khánh Thư	x	04/03/2010	THCS Quảng Thành	6.00	6.00	2.25	14.25
261	410261	Hà Ngọc Anh Thư	x	23/09/2010	THCS Nguyễn Huệ (CĐ)	7.00	8.50	7.50	23.00
262	410262	Lê Ngọc Anh Thư	x	20/09/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	7.00	9.00	9.25	25.25
263	410263	Vũ Ngọc Anh Thư	x	23/11/2010	THCS Châu Đức	7.50	7.75	5.25	20.50
264	410264	Lê Nguyễn Anh Thư	x	09/07/2010	THCS Hà Huy Tập	6.50	8.25	5.50	20.25
265	410265	Nguyễn Ngọc Bảo Thy	x	10/01/2010	THCS Châu Đức	6.50	8.00	4.00	18.50
266	410266	Trần Hoàng Thủy Tiên	x	28/06/2010	THCS Nguyễn Huệ (CĐ)	4.25	7.75	6.75	18.75
267	410267	Nguyễn Ngọc Kiều Tiên	x	21/05/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	7.50	8.75	7.50	23.75
268	410268	Trương Minh Tiến		30/04/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	6.75	8.50	7.50	22.75
269	410269	Đinh Ngọc Tiến		02/01/2010	THCS Châu Đức	7.00	7.75	6.25	21.00
270	410270	Đỗ Chí Toàn		19/09/2010	THCS Châu Đức	7.75	9.00	7.50	24.25
271	410271	Lê Ngọc Mai Trang	x	27/04/2010	THCS Quảng Thành	6.50	6.75	7.00	20.25
272	410272	Lương Ngọc Quỳnh Trang	x	02/01/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	6.50	8.50	5.50	20.50
273	410273	Phạm Nguyễn Huyền Trang	x	05/05/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	7.50	9.00	9.25	25.75
274	410274	Trần Phan Quỳnh Trang	x	15/06/2010	THCS Cao Bá Quát	6.75	7.00	6.00	20.75
275	410275	Vương Thùy Hạnh Trang	x	23/09/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	7.00	9.00	6.50	22.50
276	410276	Đỗ Yến Trang	x	05/09/2010	THCS Trần Hưng Đạo	8.00	8.75	7.50	24.25

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
277	410277	Đào Thị Như Trà	x	27/07/2010	THCS ngoài tỉnh	4.75	7.00	5.00	16.75
278	410278	Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm	x	28/11/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	4.75	8.75	6.25	19.75
279	410279	Trần Hoài Bảo Trân	x	20/07/2010	THCS Trần Hưng Đạo	7.25	9.00	8.75	25.00
280	410280	Trần Ngọc Nhã Trân	x	23/07/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	5.00	6.75	6.50	18.25
281	410281	Nguyễn Anh Trí		11/09/2010	THCS Châu Đức	6.50	8.75	4.50	19.75
282	410282	Đỗ Minh Trí		11/12/2010	THCS Hà Huy Tập	5.75	8.75	7.00	21.50
283	410283	Nguyễn Phúc Trí		27/07/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	4.00	7.50	5.50	17.00
284	410284	Phạm Công Bảo Trúc	x	25/02/2010	THCS Nguyễn Huệ (CĐ)	6.50	5.75	4.00	16.25
285	410285	Huỳnh Thanh Trúc	x	03/09/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	7.50	8.75	8.00	24.25
286	410286	Trần Thị Thanh Trúc	x	13/06/2010	THCS Châu Đức	7.75	6.50	5.75	20.00
287	410287	Nguyễn Phạm Tuấn		09/01/2010	THCS Nguyễn Huệ (CĐ)	4.75	8.50	7.75	21.00
288	410288	Đoàn Anh Tuấn		25/12/2010	THCS Lý Thường Kiệt	6.00	4.75	7.75	18.50
289	410289	Nguyễn Đức Anh Tuấn		09/04/2010	THCS Châu Đức	7.00	8.25	5.25	21.50
290	410290	Nguyễn Duy Phước Tuệ		19/01/2010	THCS Quảng Thành	5.50	8.50	5.50	19.50
291	410291	Phan Minh Tuyết	x	01/03/2010	THCS Quảng Thành	7.75	8.50	9.25	25.50
292	410292	Lý Anh Tú		04/11/2010	THCS Nguyễn Huệ (CĐ)	7.25	8.25	6.25	21.75
293	410293	Đoàn Kim Minh Tú	x	20/03/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	5.75	8.75	8.25	22.75
294	410294	Lê Nguyễn Thiên Tú	x	10/01/2010	THCS Châu Đức	7.00	8.00	8.00	23.00
295	410295	Nguyễn Trần Cẩm Tú	x	23/06/2010	THCS Quảng Thành	6.25	8.75	8.25	23.25
296	410296	Sú Nhã Uyên	x	16/11/2010	THCS Chu Văn An (PM)	4.50	4.25	5.00	14.75
297	410297	Trần Phương Uyên	x	01/10/2010	THCS Châu Đức	5.75	8.25	7.25	21.25
298	410298	Nguyễn Thùy Phương Uyên	x	01/01/2010	THCS Hà Huy Tập	7.00	8.75	6.75	22.50
299	410299	Nguyễn Hoàng Yến Vi	x	10/11/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	7.00	9.00	7.50	23.50
300	410300	Trần Nguyễn Tường Vi	x	27/02/2010	THCS Hà Huy Tập	6.75	9.00	9.00	24.75
301	410301	Lâm Minh Việt		01/01/2010	THCS ngoài tỉnh	5.25	8.75	4.25	18.25
302	410302	Đinh Quang Vinh		23/09/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	5.75	7.75	6.75	20.25
303	410303	Hoàng Quang Vinh		03/12/2010	THCS Châu Đức	5.75	8.50	8.00	22.25
304	410304	Hoàng Gia Vũ		03/04/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	6.00	8.50	8.75	23.25
305	410305	Trần Kim Tường Vy	x	15/04/2010	THCS Châu Đức	6.50	7.00	6.50	20.00
306	410306	Trần Lê Thảo Vy	x	23/07/2010	THCS Quảng Thành	6.75	8.75	8.75	24.25
307	410307	Trần Ngọc Hải Vy	x	29/01/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	7.00	8.75	9.00	25.75

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
308	410308	Nguyễn Ngọc Tường Vy	x	13/08/2010	THCS Trần Hưng Đạo	6.00	7.25	7.25	20.50
309	410309	Võ Ngọc Tường Vy	x	21/07/2010	THCS Kim Long	6.50	3.50	3.50	13.50
310	410310	Lê Nguyễn Khánh Vy	x	16/04/2010	THCS Nguyễn Huệ (CĐ)	5.00	8.50	6.75	20.25
311	410311	Trần Nguyễn Tường Vy	x	05/11/2010	THCS Hà Huy Tập	7.50	9.50	8.25	25.25
312	410312	Nguyễn Thảo Vy	x	21/03/2010	THCS Châu Đức	6.00	5.75	5.00	16.75
313	410313	Nguyễn Thảo Vy	x	25/03/2010	THCS Quảng Thành	6.75	8.50	5.00	20.25
314	410314	Cao Thị Hà Vy	x	16/08/2010	THCS Chu Văn An (PM)	6.75	5.75	4.50	18.00
315	410315	Nguyễn Thị Trúc Vy	x	09/08/2010	THCS Cao Bá Quát	6.50	9.00	6.00	21.50
316	410316	Nguyễn Trần Tường Vy	x	13/08/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	7.00	8.75	6.00	21.75
317	410317	Đoàn Trịnh Kiều Vy	x	07/02/2010	THCS Cao Bá Quát	4.00	3.25	3.75	12.00
318	410318	Nguyễn Tường Vy	x	11/06/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	5.50	8.00	7.50	21.00
319	410319	Lê Vĩnh Lan Vy	x	11/04/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	6.00	6.00	6.00	18.00
320	410320	Hoàng Đức Vỹ		26/07/2010	THCS Nguyễn Huệ (CĐ)	6.00	5.75	3.00	14.75
321	410321	Trần Hải Yến	x	10/10/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	6.25	8.50	6.25	21.00
322	410322	Nguyễn Như Ý	x	08/09/2010	THCS Cao Bá Quát	5.50	7.50	8.25	22.25

Bảng này có 322 thí sinh. Có 321 thí sinh dự thi đủ môn.

** Tổng điểm xét tuyển THPT đã bao gồm điểm ưu tiên, khuyến khích./.*